

Số: 1688 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 21 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện tỉnh Bình Định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 122/TTr-SNN ngày 06 tháng 5 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Bình Định theo Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục 01 kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ 07 thủ tục hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Ủy ban nhân dân cấp huyện đã công bố tại Quyết định số 4301/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (*Phụ lục 02 kèm theo*).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP KT;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KSTT. *lq*



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

*Phan Cao Thắng*  
**Phan Cao Thắng**

**Phụ lục 1**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG**  
**LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP**  
**VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VÀ BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
*(Ban hành theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 21/15/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ**

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>								
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn không quá 30 ngày đối với trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, cơ quan cấp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Có	Không	Điều 9 và Điều 18 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về	- Chi cục Kiểm lâm đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thực vật rừng, động vật rừng, động vật, thực vật thuộc Phụ lục II, III CITES, trừ các loài thủy sản;

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nguy cấp, quý, hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam và Phụ lục II, III của CITES	thuộc Phụ lục II và III CITES	mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.				buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	- Chi cục Thủy sản đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục II CITES.

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
<b>Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>			
1	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ	Chi cục Kiểm lâm
2	Giao nộp gấu cho nhà nước	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ	Chi cục Kiểm lâm

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
<b>Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>			
1	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (nuôi mới)	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ	Cơ quan Kiểm lâm sở tại
2	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ	Cơ quan Kiểm lâm sở tại
3	Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ	Cơ quan Kiểm lâm sở tại
4	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ	Cơ quan Kiểm lâm sở tại

**Phụ lục 2**  
**BÃI BỎ 07 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC**  
**PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN**  
**NÔNG THÔN TIỀN BÀN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
*(Ban hành theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)*

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
<b>Thủ tục hành chính đã công bố tại Quyết định số 4301/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định bị bãi bỏ</b>			
1	T-BDI-281851-TT	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Phụ lục II, III của Công ước CITES	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ
2	T-BDI-281892-TT	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ
3	T-BDI-281893-TT	Giao nộp gấu cho nhà nước	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ
4	T-BDI-281932-TT	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ
5	T-BDI-281933-TT	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ
6	T-BDI-281934-TT	Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ
7	T-BDI-281931-TT	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ